

BÁO CÁO

**Phân tích về nông lâm nghiệp và thủy sản
tháng 5 năm 2024**

I. Phần nông nghiệp :

1. Trồng trọt: Ước tính đến ngày 15 tháng 5 năm 2024

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023		Năm 2024		Thực hiện kỳ này so với cùng kỳ năm trước	Giải trình biến động(nếu tăng hoặc giảm từ 5 % trở lên
			Thực hiện năm trước	Cộng dồn từ đầu năm	Thực hiện Kỳ này	Cộng dồn từ đầu vụ		
	A	B	1	2	3	4	$5=4/2*100$	6
1	Diện tích gieo cấy lúa xuân	ha	5	36	29	37	102,78	
2	Diện tích gieo trồng các loại cây trồng khác vụ xuân	ha	41,74	72,74	44,78	75,78	104,18	
	Trong đó:							
	Trồng ngô xuân	ha	20,6	29,6	26,2	32,2	108,78	
	Trồng khoai lang	ha						
	Trồng sắn	ha	0	0	0	0		
	Trồng mía	ha		0		0		
	Thuốc lá	ha						
	Trồng đỗ tương	ha						
	Trồng lạc	ha	7,5	15,5	7,3	12,3	79,35	
	Trồng rau các loại	ha	13,54	25,54	11,28	27,28	106,81	
	Trồng đậu các loại	ha	0,1	2,1	0	4	190,48	
	Tổng		46,7	108,74	73,8	112,78	103,72	

-Tình hình sản xuất nông nghiệp trong tháng, tổng diện tích gieo trồng vụ xuân.=112,78 ha đạt 103,72% so với cùng kỳ. Tiến độ gieo trồng Lúa vụ xuân so với năm trước tăng 3,7 %. Do thời tiết mưa đều tiến độ gieo trồng vụ xuân tăng so với cùng kỳ 2,78%.

- Cây ăn quả trong tháng , nhân dân trong xã đang chăm sóc các loại cây ăn quả, đang thụ phấn cây na, trồng mới cây ăn quả = 5 ha, gồm các loại cây Na, Ổi, Táo, hồng xiêm

2. Chăn nuôi

Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị tính	Chính thức cùng kỳ năm trước	Ước thực hiện tháng báo cáo	So sánh với cùng kỳ (%)	Giải trình biến động (nếu tăng hoặc giảm từ 5% trở lên)
A	B	C	1	2	$3=2/1*100$	4
I.Gia súc			535	656	122,6	
1.Trâu	1	Con	430	312	72,6	
2.Bò	2	Con	13	14	107,7	
3.Lợn	3	Con	339	330	97,3	
II.Gia cầm	4	1000	35,37	40	113,1	
Tr. đò: Gà	5	1000	30,5	35	114,8	

Đàn gia súc, gia cầm phát triển ổn định, không có dịch bệnh xảy ra trên địa đàn trâu giảm là do nhu cầu của nhân dân chuyển đổi sang máy móc công nghiệp.

Tình hình dịch, bệnh trong chăn nuôi trong tháng, không có dịch xảy ra trên địa bàn xã.

II. Phần lâm nghiệp

Báo cáo ước tính lâm nghiệp tháng 5 năm 2024

Chi tiêu	Mã số	Đơn vị tính	Năm trước		Năm báo cáo		So với cùng kỳ (%)		Giải trình biến động (nếu tăng hoặc giảm từ 5% trở lên)
			Chính thức tháng 5	Cộng dồn từ đầu năm	Ước tháng 5	Cộng dồn từ đầu năm	Cùng kỳ năm trước	Cộng dồn năm trước	
A	B	C	1	2	3	4	$5=3/1*100$	$6=4/2*100$	7
Diện tích rừng trồng tập trung	1	Ha	10	35	27	47	270,00	134,29	
Sản lượng gỗ khai thác	2	M ³	25	120	25	120	100,0	100	
Sản lượng củi khai thác	3	Ste	20	60	20	60	100,0	100,0	
Số vụ cháy rừng	4	Vụ				0			
Diện tích rừng bị cháy	5	Ha				0		0	
Số vụ phá rừng	6	Vụ	0	0					
Diện tích rừng bị phá	7	Ha	0	0				0	

Lâm nghiệp: Thường xuyên chỉ đạo, tuyên truyền, vận động các thôn và nhân dân thực hiện công tác chăm sóc bảo vệ rừng trồng và rừng khoanh nuôi tự nhiên, chủ động công tác phòng chống cháy rừng.

III. Phần thủy sản

Báo cáo ước thủy sản tháng 5 năm 2024

Chi tiêu	Mã số	Đơn vị tính	Năm trước		Năm báo cáo		So với cùng kỳ (%)		Giải trình biến động (nếu tăng hoặc giảm từ 5% trở)
			Chính thức tháng	Cộng dồn từ đầu năm	Ước tháng	Cộng dồn từ đầu năm	Cùng kỳ năm trước	Cộng dồn từ đầu năm	
A	B	C	1	2	3	4	$5=3/1*100$	$6=4/2*100$	7
I. Diện tích nuôi trồng thủy sản	1	Ha	1,8	4,9	1,8	4,9	100,0	100,0	
Tr.đó: + Cá	2	Ha	1,8	4,9	1,8	4,9	100,0	100,0	
+ Tôm	20	Ha							
+ Nuôi thủy sản khác	40	Ha							
II. Sản lượng thủy sản	50	Tấn							
1. Sản lượng nuôi trồng thủy sản	51	Tấn	6,5	7,7	9	10,2	138,5	132,5	
1.1.Cá	52	Tấn	6,5	7,7	9	10,2	138,5	132,5	
1.2.Tôm	71	Tấn			0	0			
1.3.Thủy sản khác	90	Tấn	0	0	0	0			
2. Khai thác thủy sản	150	Tấn	0	0	0	0			
2.1.Cá	151	Tấn	0	0	0	0			
2.2.Tôm	152	Tấn							
2.3.Thủy sản khác	153	Tấn							
III.Sản xuất giống	170	Triệu con	0,2	0,2	0,005	0,01	2,5	5,0	
IV.Diện tích bị thiệt hại	200	Tấn	0	0	0	0			

Trên đây là báo cáo sản xuất nông lâm nghiệp, và thủy sản tháng 5 năm 2024.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Chi cục thống kê huyện;

- VP.

Linh Thị Lợi